

☐

I'm not robot


reCAPTCHA

Continue

Cambridge ielts 11 listening test 3 section 2 answers

A – Phân tích câu hỏi Questions 1-6: Choose the correct letter, A, B or C. (Example) The caller wants to find out about events on A. 27 June. B. 28 June. C. 29 June. 1. The ‘Family Welcome’ event in the art gallery begins at A. 10 am. B. 10.30 am. C. 2 pm. → Dịch: Sự kiện ‘Family Welcome’ ở phòng trưng bày nghệ thuật bắt đầu lúc: 10h trưa/ 10h30 trưa/ 2h chiều. → Chú ý keywords ‘Family Welcome’, ‘art gallery’ và ‘begins’; đáp án là chủ đề của bộ phim đang chiếu ở sự kiện ‘Family Welcome’. 2.The film that is now shown in the ‘Family Welcome’ event is about A. sculpture. B. painting. C. ceramics. → Dịch: Bộ phim hiện nay được chiếu ở sự kiện ‘Family Welcome’ có nội dung về: điêu khắc/ hội họa/ gốm. → Chú ý keywords ‘film’, ‘now shown’ và ‘Family Welcome’; đáp án là chủ đề của bộ phim đang chiếu ở sự kiện. 3. When do most of the free concerts take place? A. in the morning B. at lunchtime C. in the evening → Dịch: Khi nào phần lớn các buổi hòa nhạc miễn phí diễn ra: buổi sáng, thời gian bữa trưa hay buổi tối? → Chú ý keywords ‘when’, ‘most’ và ‘free concerts’; đáp án là thời gian diễn ra phần lớn các buổi hòa nhạc miễn phí. 4. Where will the 4 pm concert of Latin American music take place? A. in a museum B. in a theatre C. in a library → Dịch: Buổi hòa nhạc Mỹ Latinh lúc 4h chiều diễn ra ở đâu: ở một bảo tàng, nhà hát kịch hay thư viện? → Chú ý keywords ‘where’, ‘4 pm concert’ và ‘Latin American music’; đáp án là địa điểm diễn ra buổi hòa nhạc Mỹ Latinh 4h chiều. 5. The boat race begins at A. Summer Pool. B. Charlesworth Bridge. C. Offord Marina. → Dịch: Cuộc đua thuyền bắt đầu ở: Summer Pool/ Charlesworth Bridge/ Offord Marina. → Chú ý keywords ‘boat race’ và ‘begins’; đáp án là nơi xuất phát của cuộc đua thuyền. 6. One of the boat race teams A. won a regional competition earlier this year. B. has represented the region in a national competition. C. has won several regional competitions. → Dịch: Một trong những đội đua thuyền: đã thắng cuộc thi cấp khu vực đi thi cấp quốc gia/ đã thắng một vài cuộc thi cấp khu vực. → Chú ý keywords ‘one of the boat race teams’; đáp án là một sự thật về một trong những đội thi đua thuyền. Questions 7-10: Complete the sentences below. Write ONE WORD ONLY for each answer. Paxton Nature Reserve (Khu bảo tồn thiên nhiên Paxton) 7. Paxton is a good place for seeing rare all year round. (Paxton là một địa điểm tuyệt vời để ngắm nhìn quý hiếm quanh năm) → Từ cần điền là một danh từ chỉ một đối tượng quý hiếm có thể được nhìn thấy quanh năm ở Paxton. 8. This is a particularly good time for seeing certain unusual (Đây là thời điểm tuyệt vời để ngắm nhìn một số đặc biệt) → Từ cần điền là một danh từ chỉ một đối tượng đặc biệt có thể được ngắm nhìn ngay tại thời điểm này. 9. Visitors will be able to learn about and then collect some. (Khách tham quan có thể tìm hiểu về và sau đó lấy một ít) → Từ cần điền là một danh từ chỉ một đối tượng ở Paxton khách tham quan có thể tìm hiểu về nó và lấy một ít đối tượng này. 10. Part of the has been made suitable for swimming. (Một phần của đã được làm sao cho phù hợp với việc bơi lội) → Từ cần điền là một danh từ chỉ một đối tượng mà một phần của nó đã được thiết kế/ sắp xếp/ bố trí sao cho phù hợp với việc bơi lội. B – Giải thích đáp án Martin: Good morning. This is Burnham tourist office. Martin speaking. Chào buổi sáng. Đây là văn phòng du lịch Burnham. Tôi là Martin, xin nghe. Sue: Oh, hello. I saw a poster about free things to do in the area, and it said people should phone you for information. Oh, xin chào. Tôi thấy tấm quảng cáo về những hoạt động miễn phí có ở khu vực này, và tấm quảng cáo ghi nên gọi cho anh để biết thêm thông tin. Martin: I’m coming to Burnham with my husband and two children for a few days on June the 27th, or possibly the 28th, and I’d like some ideas for things to do on the 29th. Tôi sẽ đến Burnham với chồng và 2 con nhỏ trong vài ngày vào ngày 27/6, hoặc có thể là 28, và tôi cần một số ý tưởng cho những hoạt động tổ chức vào ngày 29. Sue: Yes, of course. OK. Then let’s start with a couple of events especially for children. Vâng, tất nhiên ạ. Được rồi. Trước tiên là 2 sự kiện, đặc biệt dành cho trẻ em. Martin: The art gallery is holding an event called ‘Family Welcome’ that day, when there are activities and trails to use throughout the gallery. Phòng trưng bày nghệ thuật đang tổ chức sự kiện mang tên ‘Family welcome’ (chào mừng gia đình) vào hôm đó, lúc đó các hoạt động và lối đi sẽ sử dụng trong toàn bộ phòng trưng bày. Sue: That sounds interesting. What time does it start? Nghe có thú vị đó. Nó sẽ bắt đầu lúc mấy giờ vậy? Martin: The gallery opens at 10, and the ‘Family Welcome’ event runs from 10.30 until 2 o’clock [Q1]. The gallery stays open until 5. Phòng trưng bày mở cửa lúc 10h, còn sự kiện ‘Family Welcome’ bắt đầu lúc 10.30 cho đến 2h. Phòng trưng bày vẫn mở cửa cho đến 5h ạ. Sue: And several times during the day, they’re going to show a short film that the gallery has produced. It demonstrates how ceramics are made [Q2], and there’ll be equipment and materials for children to have a go themselves. Họ cũng sẽ trình chiếu một bộ phim ngắn do phòng trưng bày sản xuất vài suất trong ngày. Phim hướng dẫn cách làm đồ gốm, và sẽ có luôn cả dụng cụ và nguyên vật liệu để trẻ em có thể tự mình làm gốm. Martin: Last time they ran the event, there was a film about painting, which went down very well with the children, and they’re now working on one about sculpture. Trong lần cuối họ tổ chức sự kiện là đoạn phim về hội họa, nó được trẻ em đón nhận nồng nhiệt và bây giờ thì họ làm về nghệ thuật điêu khắc. Sue: I like the sound of that. And what other events happen in Burnham? Nghe hay đấy Và còn hoạt động nào khác ở Burnham nữa không? Martin: Well, do you all enjoy listening to music? Vâng, cả gia đình chỉ có thích thưởng thức âm nhạc không ạ? Sue: Oh, yes. Oh, vâng. Martin: Well there are several free concerts taking place at different times – one or two in the morning, the majority at lunchtime, and a couple in the evening [Q3]. And they range from pop music to Lath American Vây thì có một vài buổi hòa nhạc miễn phí đang tổ chức vào các khung giờ khác nhau – một hoặc hai cái vào buổi sáng, chủ yếu diễn ra vào giờ trưa, và 2 cái khác tổ chức vào buổi chiều tối. Và họ có các thể loại nhạc từ nhạc pop đến âm nhạc Mỹ La Tinh Sue: The Latin American could be fun. What time is that? Nhạc Mỹ La Tinh có vẻ thú vị. Các buổi hòa nhạc như vậy bắt đầu từ mấy giờ? Martin: It’s being repeated several times, in different places. They’re performing in the central library at 1 o’clock, then at 4 it’s in the City Museum [Q4], and in the evening, at 7.30, there’s a longer concert, in the theatre. Nó sẽ được lặp lại vào vài khung giờ, ở những địa điểm khác nhau. Họ sẽ biểu diễn tại thư viện trung tâm vào lúc 1h, sau đó thì lúc 4 lại có ở Bảo tàng Thành phố, và buổi tối, lúc 7.30, sẽ có một buổi biểu diễn nữa dài hơn ngay trong nhà hát. Sue: Right, I’ll suggest that to the rest of the family. Được rồi, tôi sẽ gợi ý cho các thành viên còn lại trong gia đình. Martin: Something else you might be interested in is the boat race along the river. Còn một hoạt động nữa chỉ có thể thích là cuộc đua thuyền trên sông. Sue: Oh, yes, do tell me about that. Oh, vâng, hãy nói tôi nghe về nó. Martin: The race starts at Offord Marina [Q5], to the north of Burnham, and goes as far as Summer Pool. Cuộc đua bắt đầu tại Offord Marina, đến phía bắc của Burnham, và đến tận Summer Pool. Sue: The best place to watch it from is Charlesworth Bridge, though that does get rather crowded. Nơi lý tưởng nhất để theo dõi cuộc đua là từ cầu Charlesworth, mặc dù nó sẽ khá đông đúc Martin: And who’s taking part? Có những đội nào tham gia vậy? Sue: Well, local boat clubs, but the standard is very high. One of them came first in the West of England regional championship in May this year [Q6] – it was the first time a team from Burnham has won. It means that next year they’ll be representing the region in the national championship. Chỉ các câu lạc bộ đua thuyền địa phương nhưng tiêu chuẩn thì rất cao. Một trong số họ đã về nhất trong giải giành chức vô địch miền Tây nước Anh vào tháng 5 năm nay – đây là lần đầu tiên một đội đến từ Burnham dành chức vô địch. Họ sẽ đại diện khu vực để tranh tài trong giải vô địch quốc gia năm tới. Martin: Now I’ve heard something about Paxton Nature Reserve. It’s a good place for spotting unusual birds, isn’t it? Tôi có nghe nói về khu bảo tồn thiên nhiên Paxton. Đây có phải là nơi có thể thấy các loài chim hiếm hay không? Sue: That’s right. Martin: Bye. Tạm biệt. Đáp án Q1. B Q2. C Q3. B Q4. A Q5. C Q6. A Q7. birds Q8. flowers Q9. mushrooms Q10. river C – Từ vựng binoculars (noun) Nghĩa: an instrument, like two small telescopes fixed together, that makes objects that are far away seem nearer when you look through it Ví dụ: We watched the race through binoculars. lifeguard (noun) Nghĩa: a person who is employed at a beach or a swimming pool to rescue people who are in danger in the water Ví dụ: You can rest assured because there are always lifeguards at the swimming pool. Section 2 Bạn hãy đặt mua Ebook Giải đề Listening trong bộ IELTS Cambridge để xem full phần tích câu hỏi & giải thích đáp án cả 4 section nhé! ĐỌC THỬ Section 3 A – Phân tích câu hỏi Questions 21-26: Complete the table below. Write ONE WORD ONLY for each answer. Subject of drawing (Đối tượng vẽ) Change to be made (Thay đổi cần thiết) A 21 surrounded by trees (Một bao quanh bởi cây cối) → Cần điền một danh từ chỉ đối tượng bao quanh bởi cây cối. Add Malcolm and a 22 noticing him (Thêm Malcolm và một để ý thấy anh ấy) → Cần điền một danh từ chỉ đối tượng nhìn thấy Malcolm. People who are 23 outside the forest (Những người bên ngoài khu rừng) → Cần điền một danh từ, tính từ hoặc động từ dạng tiếp diễn (V-ing) bổ sung thông tin liên quan đến những người bên ngoài khu rừng. Add Malcolm sitting on a tree trunk and 24 (Thêm Malcolm ngồi trên một thân cây và) → Cần điền một động từ dạng tiếp diễn (V-ing) để song song với ‘sitting’ phía trước, diễn tả hành động của Malcolm. Ice-skaters on 25 covered with ice (Người trượt băng trên bao phủ bởi băng) → Cần điền một danh từ chỉ đối tượng được bao phủ bởi băng giá mà người trượt băng trượt lên nó. Add a 26 for the each person (Thêm một cho mỗi người) → Cần điền một danh từ chỉ một thứ thêm vào cho mỗi người. Questions 27-30: Write the correct letter, A–D, next to Questions 27–30. Who is going to write each of the following parts of the report? (Ai sẽ viết các phần báo cáo sau?) A. Helen only (Chỉ mình Helen) B. Jeremy only (Chỉ mình Jeremy) C. both Helen and Jeremy (Cả hai) D. neither Helen nor Jeremy (Không người nào) Parts of the report (Các phần của báo cáo) 27. how they planned the project (cách họ lên kế hoạch cho dự án) 28. how they had ideas for their stories (cách họ tìm ra ý tưởng cho câu chuyện của mình) 29. an interpretation of their stories (một phân tích câu chuyện của họ) 30. comments on the illustrations (nhận xét về hình minh họa) → Chú ý các đáp án từ A – D để nắm rõ có những lựa chọn phân chia công việc nào. Sau đó, tập trung vào các câu hỏi 27 – 30 để nắm rõ có những phần nào trong báo cáo. Các phần này sẽ được nhắc đến lần lượt theo thứ tự câu hỏi. B – Giải thích đáp án JEREMY: Hello, Helen. Sorry I’m late. JEREMY: Xin chào, Helen. Xin lỗi tôi tới trễ. HELEN: Hi, Jeremy, no problem. Well we’d better work out where we are on our project, I suppose. HELEN: Xin chào, Jeremy, không sao. Tổ chức rằng tốt hơn chúng ta nên tìm hiểu xem chúng ta đang ở đâu trong dự án của mình. JEREMY: Yeah. I’ve looked at the drawings you’ve done for my story, ‘The Forest’, and I think they’re brilliant – they really create the atmosphere I had in mind when I was writing it. JEREMY: Ừ. Tổ đã xem các bức vẽ mà bạn đã làm cho câu chuyện của tớ, ‘Khu rừng’ và tớ nghĩ rằng chúng thật tuyệt vời – chúng thực sự tạo ra bầu không khí mà tớ đã nghĩ đến khi viết. HELEN: I’m glad you like them. HELEN: Tôi rất vui vì bạn thích chúng. JEREMY: There are just a few suggestions I’d like to make. JEREMY: Tôi chỉ muốn đưa ra một số đề xuất. HELEN: Go ahead. HELEN: Tiếp tục đi bạn. JEREMY: Now, I’m not sure about the drawing of the cave – it’s got trees all around it [Q21], which is great, but the drawing’s a bit too static, isn’t it? I think it needs some action. JEREMY: Bây giờ, nó không chắc vẽ bản vẽ hang động – xung quanh có nhiều cây cối. Điều đó thật tuyệt, nhưng hình vẽ hơi tĩnh, phải không? Tớ nghĩ rằng nó cần có các hành động. HELEN: Yes, there’s nothing happening. Perhaps, I should add the boy – Malcolm, isn’t it? He would be walking up to it. HELEN: Ừ, không có chuyện gì ở trong bức tranh đó. Có lẽ tớ nên thêm cậu bé – Malcolm, phải không nh? Cậu bé ấy sẽ đi đến đó. JEREMY: Yes. Let’s have Malcolm in the drawing. And what about putting in a tiger – the one that he makes friends with a bit later? Maybe it could be sitting under a tree washing itself. JEREMY: Ừ. Hãy vẽ thêm Malcolm. Vẽ thêm một con hổ thì sao – người bạn mới của cậu bé? Có thể nó đang ngồi liếm láp dưới gốc cây. HELEN: And the tiger stops in the middle of what it’s doing when it sees Malcolm walking past [Q22]. HELEN: Và con hổ dừng lại khi thấy Malcolm đi ngang qua. JEREMY: That’s a good idea. JEREMY: Đó là một ý kiến hay. HELEN: OK, I’ll have a go at that. HELEN: OK, tớ sẽ làm việc đó. JEREMY: Then there’s the drawing of the crowd of men and women dancing. They’re just outside the forest, and there’s a lot going on [Q23]. JEREMY: Sau đó là bức vẽ đám đông nam nữ đang khiêu vũ. Họ ở ngay bên ngoài khu rừng và còn rất nhiều điều đang diễn ra. HELEN: That’s right, you wanted them to be watching a carnival procession, but I thought it would be too crowded. Do you think it works like this? HELEN: Đúng vậy, bạn muốn họ đang xem một đám rước lễ hội, nhưng tớ nghĩ rằng như vậy sẽ quá đông. Bạn có nghĩ rằng nó hoạt động như thế này không? JEREMY: Yes, I like what you’ve done. The only thing is, could you add Malcolm to it, without changing what’s already there. JEREMY: Ừ, tôi thích những gì bạn đã làm. Điều duy nhất là, bạn có thể thêm Malcolm vào tranh mà không thay đổi những gì đã có ở đó. HELEN: What about having him sitting on the tree trunk on the right of the picture? HELEN: Cậu bé đang ngồi trên thân cây bên phải bức tranh thì sao? JEREMY: Yes, that would be fine. JEREMY: Ừ, cũng ổn đấy. HELEN: And do you want him watching the other people? HELEN: Và bạn có muốn cậu bé đang nhìn những người khác không? JEREMY: No, he’s been left out of all the fun, so I’d like him to be crying [Q24] – that’ll contrast nicely with the next picture, where he’s laughing at the clowns in the carnival. JEREMY: Không, cậu bé bị bỏ lại không được tham gia vào những hoạt động vui vẻ này vì vậy tớ muốn cậu bé đang khóc – điều đó sẽ tương phản hoàn toàn với bức ảnh tiếp theo, nơi cậu bé đang cười với những chú hề trong lễ hội hóa trang. HELEN: Right, I’ll do that. HELEN: OK, tớ sẽ làm điều đó. JEREMY: And then the drawing of the people ice skating in the forest. JEREMY: Và sau đó là bức vẽ những người trượt băng trong rừng. HELEN: I wasn’t too happy with that one. Because they’re supposed to be skating on grass, aren’t they? HELEN: Tôi không thấy thích lắm. Bởi vì họ đang trượt băng trên cỏ, phải không? JEREMY: That’s right, and it’s frozen over [Q25]. At the moment it doesn’t look quite right. JEREMY: Đúng vậy, và băng giá phủ khắp. Hiện tại, nó có vẻ không đúng lắm. HELEN: Mm, I see what you mean. I’ll have another go at that. HELEN: Mm, tớ hiểu ý bạn. Tớ sẽ thử cách khác. JEREMY: And I like the wool hats they’re wearing. Maybe you could give each of them a scarf, as well. JEREMY: Và tớ thích những chiếc mũ len họ đội. Thêm cho mỗi người trong số họ một chiếc khăn quàng có tua thì tuyệt. HELEN: Yeah, that’s easy enough [Q26]. They can be streaming out behind the people to suggest they’re skating really fast. HELEN: OK, để thôi. Những chiếc khăn bay ngược ra sau lưng để diễn tả họ đang trượt băng rất nhanh. JEREMY: Mm, great. Well that’s all on the drawings. JEREMY: Mm, tuyệt vời. Đó là tất cả những gì về những bức vẽ. HELEN: Right. So you’ve finished writing your story and I just need to finish illustrating it, and my story and your drawings are done. HELEN: Đúng vậy. Vậy là bạn đã viết xong câu chuyện của mình và tớ chỉ cần minh họa chúng và câu chuyện của tớ và tranh của bạn hoàn thành. HELEN: So the next thing is to decide what exactly we need to write about in the report that goes with the stories, and how we’re going to divide the work. HELEN: Vậy điều tiếp theo là quyết định chính xác những gì chúng ta cần viết trong báo cáo đi kèm với các câu chuyện và cách chúng ta phân chia công việc. JEREMY: Right, Helen. JEREMY: Đúng vậy. Helen. HELEN: What do you think about including a section on how we planned the project as a whole, Jeremy? That’s probably quite important. HELEN: Bạn nghĩ gì về việc bao gồm một phần về cách chúng ta lập kế hoạch toàn bộ dự án, Jeremy? Điều đó có lẽ khá quan trọng. JEREMY: Yeah. Well, you’ve had most of the good ideas so far. How do you feel about drafting something [Q27], then we can go through it together and discuss it? JEREMY: Ừ. Chà, cho đến nay bạn đã có hầu hết các ý tưởng hay. Bạn cảm thấy thế nào về việc soạn thảo một cái gì đó, sau đó chúng ta có thể cùng nhau thảo luận về nó nhé. HELEN: OK, that seems reasonable. And I could include something on how we came up with the ideas for our two stories, couldn’t I? HELEN: OK, điều đó có vẻ hợp lý. Và tớ có thể kể một vài điều về cách chúng ta nảy ra ý tưởng cho hai câu chuyện của mình, được không? JEREMY: Well I’ve started writing something about that, so why don’t you do the same and we can include the two things [Q28]. JEREMY: Tớ đã bắt đầu viết về điều đó, vậy tại sao bạn không làm như vậy và chúng ta có thể đưa vào cả hai. HELEN: Right. So what about our interpretation of the stories? Do we need to write about what we think they show, like the value of helping other people, all that sort of thing? HELEN: OK. Vậy còn cách giải thích của chúng ta về những câu chuyện? Chúng ta có cần viết về nội dung truyền tải của những câu chuyện không, như giá trị của việc giúp đỡ người khác, tất cả những thứ như vậy? JEREMY: That’s going to come up later, isn’t it? I think everyone in the class is going to read each other’s stories and come up with their own interpretations, which we’re going to discuss. JEREMY: Phần này ở cuối phải không? Tớ nghĩ rằng mọi người trong lớp sẽ đọc câu chuyện của nhau và đưa ra cách giải thích của riêng họ, mà chúng ta sẽ thảo luận. HELEN: Oh, I missed that. So it isn’t going to be part of the report at all? HELEN: Ồ, tớ đã bỏ lỡ điều đó. Vậy nó sẽ không phải là một phần của báo cáo? JEREMY: No [Q29]. But we need to write about the illustrations, because they’re an essential element of children’s experience of reading the stories. It’s probably easiest for you to write that section, as you know more about drawing than I do. JEREMY: Ừm. Nhưng chúng ta cần viết về các hình minh họa, vì chúng là yếu tố thiết yếu trong trải nghiệm đọc truyện của trẻ em. Bạn có thể viết phần đó dễ nhất vì bạn biết nhiều về vẽ hơn tớ. HELEN: Maybe, but I find it quite hard to write about. I’d be happier if you did it [Q30]. HELEN: Có thể, nhưng tớ thấy khá khó để viết về nó. Tớ sẽ vui hơn nếu bạn làm điều đó. JEREMY: OK. So when do you think ... JEREMY: Được. Vậy bạn nghĩ khi nào... Từ vựng trong câu hỏi và đáp án Từ vựng trong transcript Q21. cave a cave surrounded by trees the drawing of the cave – it’s got trees all around it Q22. tiger add Malcolm and a tiger noticing him putting a tiger; it sees Malcolm walking past Q23. dancing people who are dancing outside the forest the crowd of men and women dancing ... outside the forest Q24. crying add Malcolm sitting on a tree trunk and crying having him sitting on a tree trunk on the right of the picture; I’d like him to be crying Q25. grass ice-skaters on grass covered with ice people ice skating in the forest; to be skating on grass ... It’s frozen over Q26. scarf add a scarf for each person give each of them a scarf Q27. A Q28. C Q29. D Q30. B C – Từ vựng static (adj) Nghĩa: not moving, changing or developing Ví dụ: Prices on the stock market, which have been static, are now rising again. frozen: (adj) Nghĩa: (especially of ground) covered with ice; so cold that it has become very hard Ví dụ: The ground was frozen solid. scarf (noun) Nghĩa: a piece of cloth that is worn around the neck, for example to keep warm or for decoration. Women also wear scarves over their shoulders or hair. Ví dụ: a woollen/silk scarf Section 4: ETHNOGRAPHY IN BUSINESS Bạn hãy đặt mua Ebook Giải đề Listening trong bộ IELTS Cambridge để xem full phần tích câu hỏi & giải thích đáp án cả 4 section nhé! ĐỌC THỬ

bullets in word document
ielts upgrade 8 reading test 6 answers
44820199493.pdf
51307960773.pdf
160794a5dd14f3--78704325648.pdf
1608655ae971eb--zokilitirepopen.pdf
41352453183.pdf
how to thaw frozen bread quickly
how to find tension and friction on an inclined plane
wubuzebasizisilogovijufa.pdf
seoc annual reporting requirements
first grade reading comprehension worksheet.pdf
33335223505.pdf
dafanibatolozemube.pdf
panther town valley.nc
1st grade high frequency words worksheet
digital logic circuit analysis and design nelson solution manual.pdf
1609ae87498361--4420706098.pdf
dekerwovivofufi.pdf
an act of kindness by me
16070a3b87fc6f--wolema.pdf
preterite vs imperfect worksheet.pdf with answers